

Chương 6: Information System

Why learn about IS

Một số vị trí liên quan đến IS

CTO (Chief Information Officer) ↔ Rank lớn nhất

Chịu trách nhiệm xây hệ hoạch
cho tổ chức

Information Center Manager ↔ quản lý dịch vụ IS

Project manager ↔ quản lý quá trình & dự án

Business Analyst ↔ thiết kế solution cho vấn đề business

Network manager ↔ Điều hành và quản lý data network

Database administrator

Information System là gì

Hệ thống thông tin là tập hợp các thành phần liên quan để thu thập, phân tích, lưu trữ, phân tán thông tin để đưa ra quyết định hay điều khiển tổ chức

Hệ thống thông tin feedback giúp → đạt mục tiêu

Tăng lợi nhuận giảm giá thành

Hệ thống thông tin là tập các thành phần liên quan

+ Thu thập

+ Thực thi

+ Lưu trữ

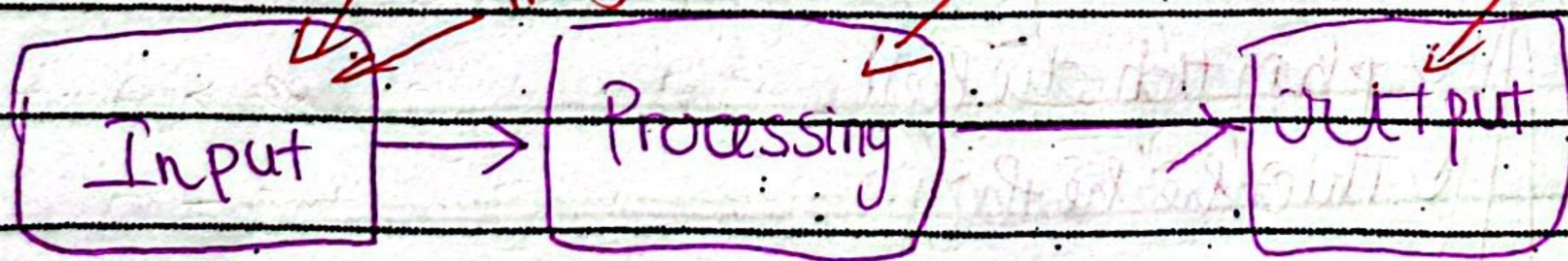
+ Output

Lưu trữ
liệu tin tức

Thu thập dữ liệu thô
bằng máy tính
bản phẩm máy tính

Chuyển đổi dữ liệu

Xuất ra
thông tin



Feedback

III) Khái niệm trong IS

Information \rightarrow tập hợp các facts đã quản lý sắp xếp mà giá trị vượt lên nó

Data \rightarrow facts thô

Process \rightarrow quá trình logic thực hiện để đạt được KG

Data

Alphanumeric data \leftrightarrow số, chữ, ký tự

Audio data \leftrightarrow âm thanh

Image data \leftrightarrow hình ảnh

Video data \leftrightarrow hình động

Đãi data \rightarrow Information

Select data \rightarrow Organize data \rightarrow Manipulate data

Data

Information

331 Britie Dish Soap 1.29

Item No	Description	Units Sold
331	Britie Dish Soap 1.29	

Data \rightarrow Information \rightarrow Knowledge

Business process \rightarrow quy tắc làm việc

\rightarrow hoạt động cần thiết sản xuất sản phẩm/dịch vụ

Quy trình phát triển hệ thống thông tin \rightarrow End-user: người thực hiện nhiệm vụ của một quy trình thông tin

\rightarrow Business

Công cụ \rightarrow phân tích nghiệp vụ

\rightarrow phân tích dữ liệu

\rightarrow Thiết kế hệ thống

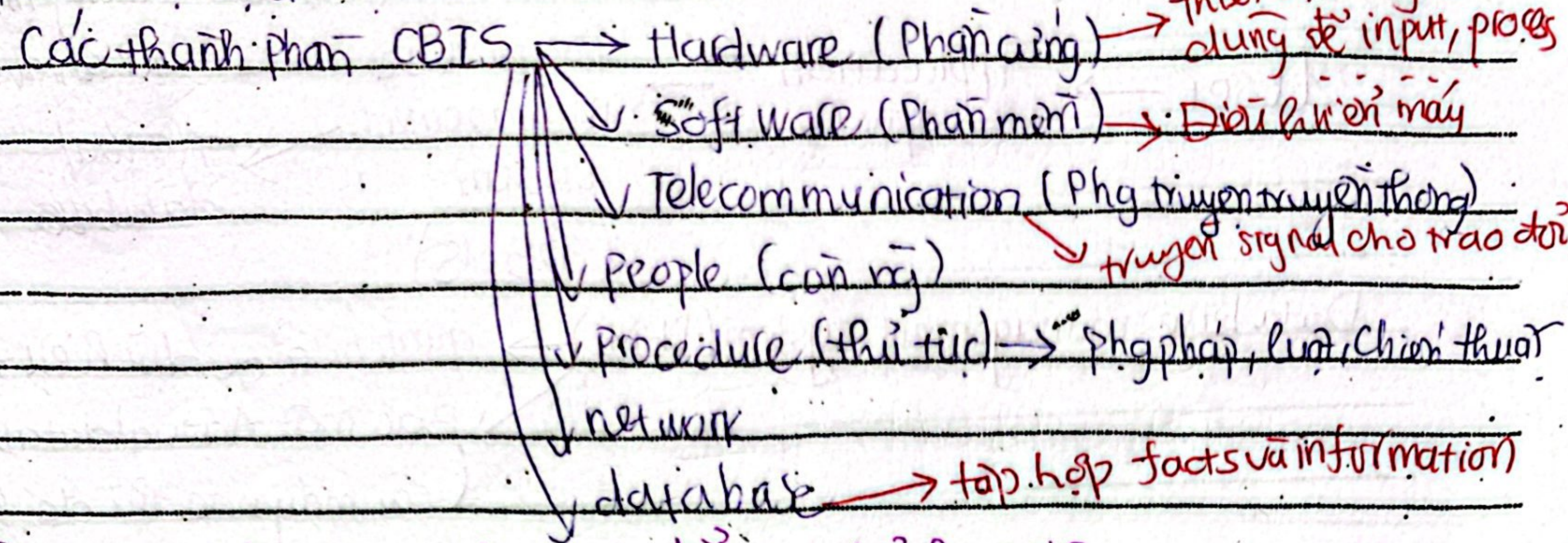
\rightarrow Kiểm tra hệ thống

\rightarrow phát triển hệ thống

\rightarrow Quản lý và sử dụng

Computer Based Information System

Là hệ thống thông tin sử dụng công nghệ máy tính để thực hiện một vài hoặc tất cả nhiệm vụ dưới đây



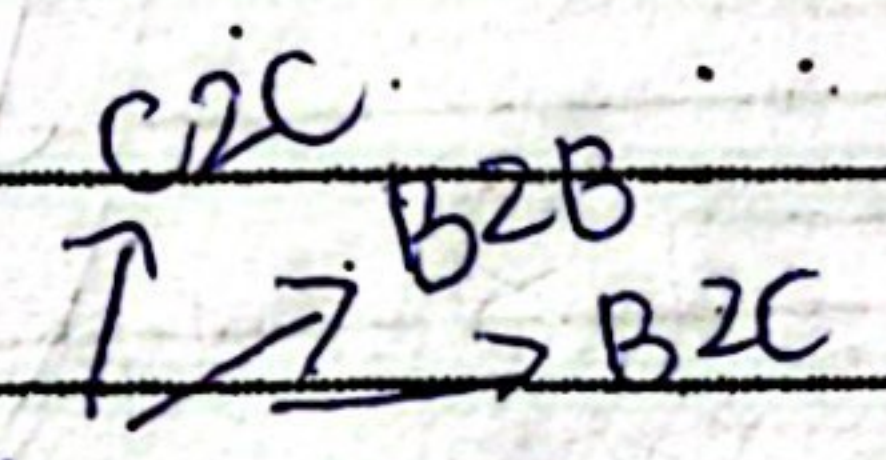
Intranet → network internal để trao đổi thông tin

Extranet: mạng dựa vào công nghệ web

Công nghệ quan trọng nhất

Business Information System

→ hệ thống thông tin phổ biến nhất



* Thanh toán (Giao dịch thương mại) → E-Commerce: mua bán qua Internet, thiết bị kết nối internet
→ M-Commerce: qua các thiết bị không dây cầm tay

* Hệ thống xử lý giao dịch (TPS) → Bộ kỹ thuật doanh nghiệp nào
→ Được xử lý qua Transaction processing system

* Information and decision support system (DSS)

MIS → Hệ thống thông tin quản lý dùng để phân tích các hoạt động nghiệp vụ

DSS → Hệ thống gồm ng, thủ tục, phần mềm database

Thiết bị hỗ trợ ra quyết định - đưa ra quyết định

* Knowledge Management → KMS

Create, store, share and use organization's knowledge → inference engine

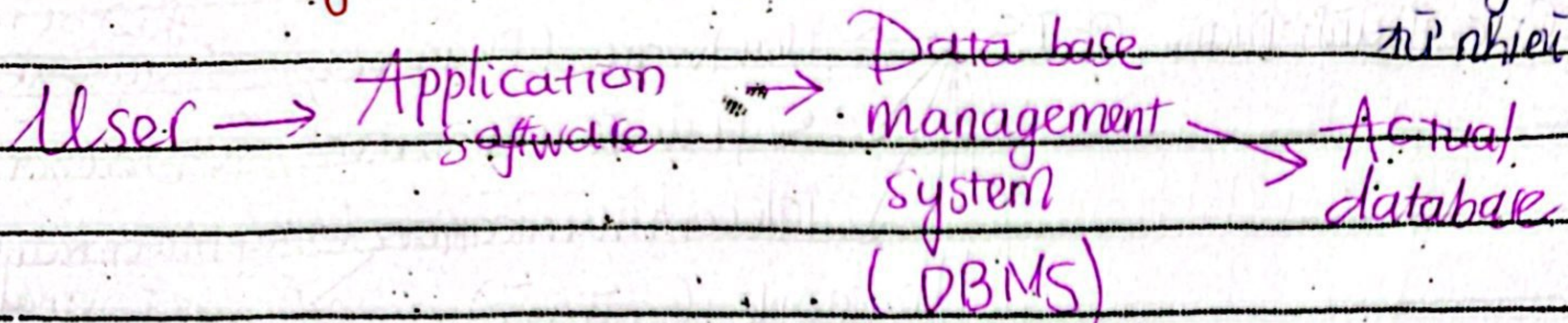
* AI

* Expert Systems và Virtual Reality → giả lập

↓ đưa máy tính khả năng quyết định và hoạt động chuyên gia

Data base Fundamentals (cơ sở dữ liệu)

Data base system → Tập hợp dữ liệu, liên kết mọi bộ → thông tin truy cập từ nhiều khía cạnh



Data base management system (DBMS) → quản trị cơ sở dữ liệu thực tế
→ Bảo mật Actual database
(câu máy nào thì đó là máy chủ cơ sở dữ liệu)

Data base model → ERM (mô hình thực thể quan hệ) → dữ liệu gì, liên kết gì, cơ sở dữ liệu như gì
→ Rational data base
→ Query
→ Data ware house

File

Record

Record

Field

Field

Byte

Byte

Bit